

Hà Nội, ngày 30/07/2020

**BẢN TIN TUẦN**  
**DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC PHỤC VỤ VẬN HÀNH CÔNG TRÌNH THỦY LỢI CẤP NƯỚC CHO SẢN XUẤT VỤ MÙA NĂM 2020**

Lưu vực sông Bằng Giang- Kỳ Cùng  
Tuần từ: 31/07/2020 đến: 06/08/2020

**I. TÌNH HÌNH NGUỒN NƯỚC**

**1. Lượng mưa**

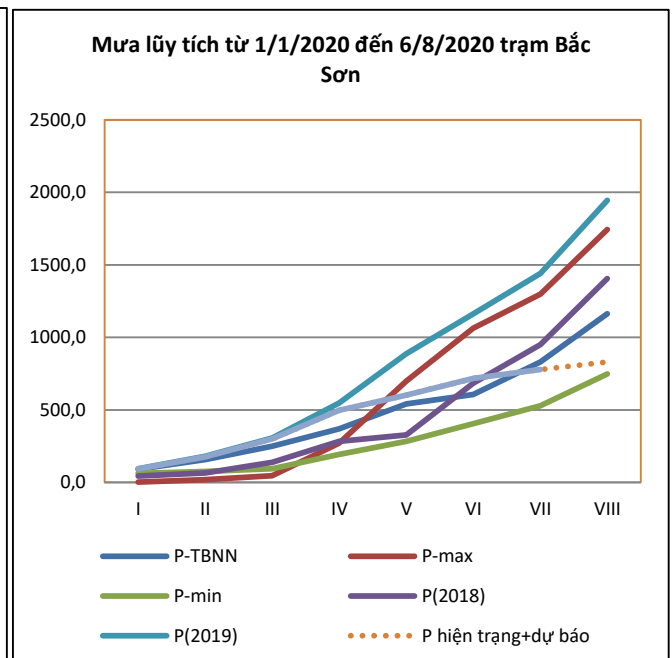
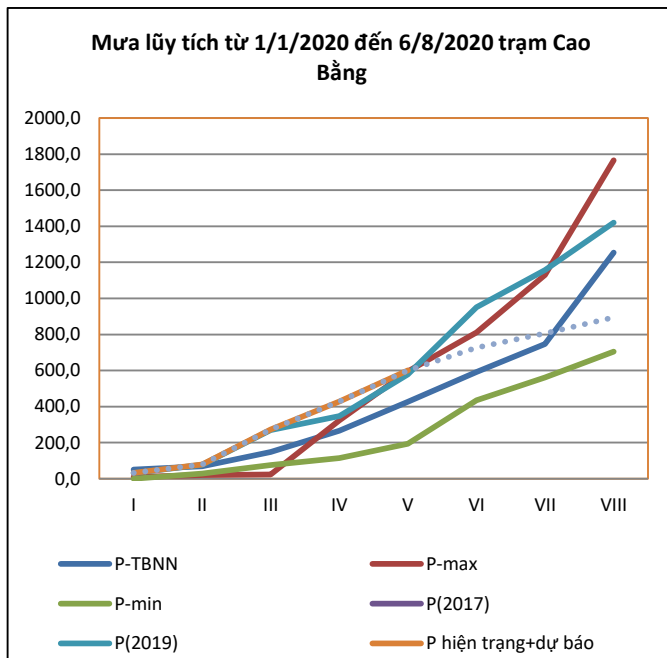
TT	Trạm	Lượng mưa trong tuần (mm)	Lượng mưa lũy tích từ đầu năm (mm)	So sánh lượng mưa lũy tích với cùng kỳ (+/-%)			Dự báo tình hình mưa tuần tới
				TBNN	Năm 2019	Năm 2018	
<b>A</b>	<b>Cao Bằng</b>			<b>-10%</b>	<b>-35%</b>	<b>-14%</b>	
1	Cao Bằng	2	808	-9%	-36%	-17%	89
2	Nguyễn Bình	41	886	-13%	-30%	-1%	85
3	Trùng Khánh	0	919	-10%	-39%	-24%	98
<b>B</b>	<b>Lạng Sơn</b>			<b>-8%</b>	<b>-8%</b>	<b>-16%</b>	
4	Bắc Sơn	32	785	-16%	-35%	-12%	52
5	Đình Lập	13	689	-19%	14%	1%	91
6	Hữu Lũng	0	746	10%	17%	-58%	81
7	Lạng Sơn	17	709	-12%	-16%	-4%	66
8	Thất Khê	8	841	-4%	-20%	-6%	86
	<b>Trung bình</b>						

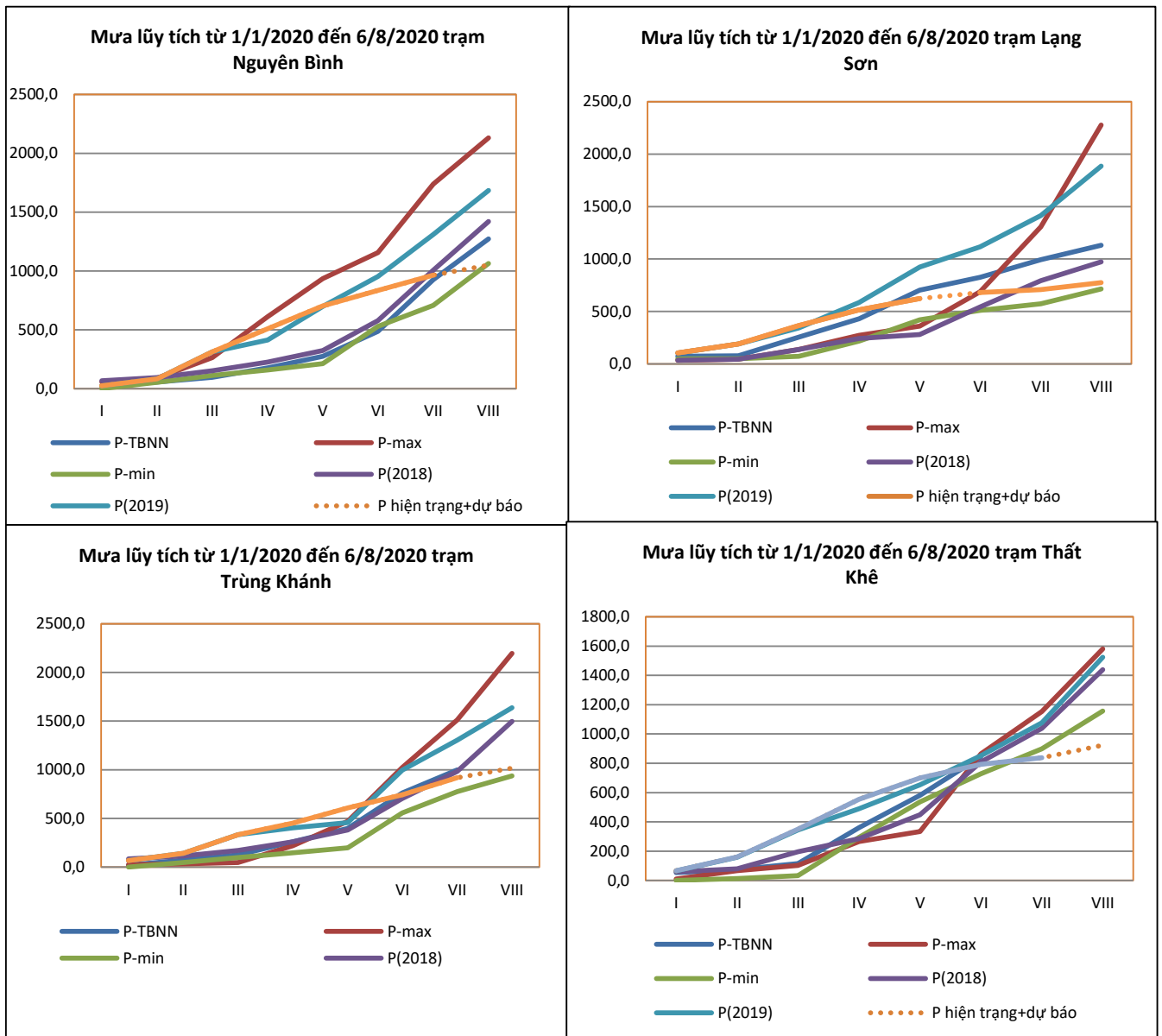
**Nhận xét:**

Theo số liệu mưa thực đo từ 1/1/2020 đến 7 giờ ngày 29/7/2020 cho thấy:

Lượng mưa lũy tích tại khu vực Lạng Sơn thấp hơn 15% so cùng kỳ năm 2019 và thấp hơn 8 với trung bình nhiều năm

- Lượng mưa lũy tích tại khu vực Cao Bằng thấp hơn 35% so với cùng kỳ năm 2019 và thấp hơn 10% với trung bình nhiều năm





## 2. Nguồn nước trong các công trình thủy lợi, thủy điện

Hiện trạng nguồn nước trừ các hồ chứa thủy lợi

TT	Hồ chứa	Dung tích trữ thiết kế (triệu m <sup>3</sup> )	W trừ hiện tại so với W <sub>tk</sub> (%)	Dự kiến W trừ cuối tuần (%)	So sánh với cùng kỳ (+/-%)				Đánh giá
					TBNN	2019	2018	2017	
1	Khuổi lái	2,46	41,61	66,31		-58,37	-44,56	-25,78	Giảm
2	Nà Tấu	1,79	56,34	77,42		-54,02	-43,66	33,45	Giảm
3	Bán Nưa	0,81	1,42	14,50		-71,71	-65,71	-23,11	Giảm
4	Bán Viêt	3,08	0,97	16,56		-99,03	-52,69	-93,73	Giảm
5	Nà Cáy	4,31	91,87	100,00		-7,82	-7,90	19,86	Giảm
6	Tà Keo	12,88	25,67	30,45		-51,35	-66,49	-3,99	Giảm
7	Thâm Luông	0,97	58,54	81,21		-4,40	4,10	-25,24	Giảm
8	Nà Tâm	1,91	35,26	39,92		-28,40	14,52	14,52	Giảm
9	Nà Chèo	2,26	33,08	39,86		-6,20	5,16	-19,99	Giảm
10	Phai Danh	2,13	61,92	67,36		-32,55	-1,92	-7,53	Giảm
11	Nà Pàn	0,82	10,94	20,21		-10,98	-30,98	-5,46	Giảm
12	Bán Chanh	2,02	60,60	77,13		-39,40	-34,79	-6,20	Giảm
13	Bán Chang	1,61	29,22	38,73		-44,00	-22,93		Giảm
	<b>Trung bình</b>	<b>37,04</b>	<b>39,03</b>	<b>51,51</b>		<b>-39,09</b>	<b>-26,76</b>	<b>-11,93</b>	

Nhận xét:

- Hiện tại, 5 hồ chứa tính toán trong lưu vực tích trên 56,3% so với dung tích thiết kế, còn 8 hồ tích dưới 50% so với dung tích thiết kế: hồ Khuổi Lái 41,61%, Bản Nưa 1,42%, Bản Viết 0,97%, Tà Keo 25,67%, Nà Tâm 35,26%, Nà Chảo 33,08%, Nà Pàn 10,94%, Bản Chanh 29,22% so với dung tích thiết kế.
- Tổng dung tích 13 hồ là: 37,04 triệu m<sup>3</sup>
- Lượng trữ của 13 hồ so với dung tích thiết kế chiếm: 39,03 %

Dự báo xu thế nguồn nước tuần tới các hồ đều giảm so với năm 2019. Một số hồ hiện tại tích ít nước do đang bị rò rỉ nước.

## II. KHẢ NĂNG CẤP NƯỚC CỦA CÔNG TRÌNH THỦY LỢI, TÌNH HÌNH HẠN HÁN VÀ KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG NƯỚC

### 1. Nhu cầu nước

Thông tin khái quát về nhu cầu nước, nguồn nước trong giai đoạn dự báo:

Tổng nhu cầu nước của 14 công trình là: 1,437 x 10<sup>6</sup> m<sup>3</sup>

Nguồn nước trữ hồ chứa ở nội tại có 5 hồ chứa tính toán trong lưu vực đều tích trên 56,3% so với dung tích thiết kế, trừ hồ Khuổi Lái, Bản Nưa, Bản Viết, Tà Keo, Nà Tâm, Nà Chảo, Nà Pàn và Bản Chanh.

Hiện tại, nguồn nước đảm bảo lấy nước tuần tới Vụ Mùa.

### Nhu cầu nước của các hồ chứa thủy lợi

Đơn vị: 10<sup>6</sup> m<sup>3</sup>

TT	Tên công trình	31/7/2020	01/08/2020	02/08/2020	03/08/2020	04/08/2020	05/08/2020	06/08/2020	Tổng
1	Khuổi Lái	0,01	0,01	0,01	0,02	0,02	0,02	0,02	0,122
2	Nà Tấu	0,01	0,01	0,01	0,02	0,02	0,02	0,02	0,121
3	Bản Nưa	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,009
4	Bản Viết	0,02	0,02	0,02	0,02	0,02	0,02	0,02	0,139
5	Nà Cáy	0,01	0,01	0,01	0,01	0,01	0,01	0,01	0,046
6	Tà Keo	0,05	0,05	0,05	0,05	0,05	0,05	0,05	0,365
7	Thâm Luông	0,01	0,01	0,01	0,01	0,01	0,01	0,01	0,070
8	Nà Tâm	0,01	0,01	0,01	0,01	0,01	0,01	0,01	0,056
9	Nà Chảo	0,02	0,02	0,02	0,02	0,02	0,02	0,02	0,118
10	Phai Danh	0,01	0,01	0,01	0,01	0,01	0,01	0,01	0,056
11	Nà Pàn	0,01	0,01	0,01	0,01	0,01	0,01	0,01	0,066
12	Bản Chanh	0,01	0,01	0,01	0,01	0,01	0,01	0,01	0,064
13	Bản Chanh	0,00	0,00	0,00	0,01	0,01	0,01	0,01	0,050
14	HTTL Hồng Đại	0,01	0,01	0,01	0,03	0,03	0,03	0,03	0,155
	<b>Tổng</b>	<b>0,17</b>	<b>0,17</b>	<b>0,17</b>	<b>0,23</b>	<b>0,23</b>	<b>0,23</b>	<b>0,23</b>	<b>1,437</b>

Thông tin bảng biểu kết quả tính toán cân bằng nước và các khuyến cáo cho từng công trình như sau:

### 2. Khả năng cấp nước của các công trình

TT	Tên công trình	Dung tích trữ hiện tại so với thiết kế (%)	Nhiệm vụ sản xuất (ha)	Dự báo vụ Mùa 2020			Ghi chú
				Dung tích cuối tuần	Khả năng đáp ứng	Diện tích đáp ứng	
1	Khuổi lái	41,61	221	66,31	100,0	221	Đủ nước
2	Nà Tấu	56,34	220	77,42	100,0	220	Đủ nước
3	Bản Nưa	1,42	114	14,50	100,0	114	Đủ nước
4	Bản Viết	0,97	203	16,56	100,0	203	Đủ nước
5	Nà Cáy	91,87	67	100,00	100,0	67	Đủ nước
6	Tà Keo	25,67	533	30,45	100,0	533	Đủ nước
7	Thâm Luông	58,54	127	81,21	100,0	127	Đủ nước
8	Nà Tâm	35,26	94	39,92	100,0	94	Đủ nước
9	Nà Chảo	33,08	172	39,86	100,0	172	Đủ nước
10	Phai Danh	61,92	102	67,36	100,0	102	Đủ nước
11	Nà Pàn	10,94	97	20,21	100,0	97	Đủ nước
12	Bản Chanh	60,60	101	77,13	100,0	101	Đủ nước
13	Bản Chanh	29,22	120	38,73	100,0	120	Đủ nước
14	HTTL Hồng Đại		280		100,0	280	Đủ nước

### Nhận xét:

- Các công trình hồ chứa đều đảm bảo đủ nước cho tuần tới
- Tình hình hạn:

**Cao Bằng:** Do tình hình thời tiết nắng nóng kéo dài, các hồ chứa nước thủy lợi trên địa bàn tỉnh đến thời điểm hiện tại có 16/23 hồ chứa đảm bảo cung cấp nước tưới phục vụ sản xuất nông nghiệp, các hồ chứa (gồm: hồ Nà Vàng, Thôm Nạc, Nà Sloong - Thạch An; Khuổi Khiển, Nà Sum - Nguyên Bình) có trữ lượng nước đạt dưới 20% dung tích thiết kế đều bị thiếu hụt nguồn nước không đảm bảo dung tích thiết kế

**Lạng Sơn:** thời điểm hiện tại (27/7/2020), nguồn nước có xu hướng giảm nhanh, dung tích hữu ích các hồ chứa còn lại khoảng 30% so với dung tích thiết kế, 28/123 hồ chứa có mực nước thấp hơn hoặc bằng mực nước chết như: Bó Diêm, Lầu Xá, Pò Luông, Bó Chuông, Bản Nặm, Cốc Lùng, Khuổi Mặn, Kéo Quân, Phai Châu, Kéo Páng, Rọ Nặm, Rọ Hoạt, Rọ Thó, Nặm Lìn, Rọ Thín, Rọ Bậy, Khe Khoang, Nà Khoang, Khau Piều

### 3. Mức độ rủi ro hạn ở các vùng ngoài công trình thủy lợi

TT	Trạm	Vùng	Mưa hiện trạng và dự báo (mm)	So với mưa cùng thời đoạn (%)			Khuyến cáo
				Năm Min	TBNN	Năm Max	
<b>A</b>	<b>Cao Bằng</b>			<b>60%</b>	<b>-7%</b>	<b>-40%</b>	
1		Cao Bằng	897	62%	-3%	-36%	
2		Nguyên Bình	970	28%	-11%	-44%	
3		Trùng Khánh	1017	89%	-7%	-42%	
<b>B</b>	<b>Lạng Sơn</b>			<b>91%</b>	<b>-8%</b>	<b>-47%</b>	
4		Bắc Sơn	837	118%	-15%	-41%	
5		Đình Lập	781	62%	-14%	-52%	
6		Hữu Lũng	827	99%	1%	-43%	
7		Lạng Sơn	776	93%	-8%	-64%	
8		Thất Khê	926	82%	-2%	-35%	

#### Nhận xét và khuyến cáo:

- Dự báo lượng mưa trên toàn vùng Cao Bằng, Lạng Sơn từ tháng 29/7 đến 4/8/2020 đạt 130% so với tổng lượng mưa cùng kỳ trung bình nhiều năm.
- Tổng lượng mưa lũy tích trên toàn vùng đạt 90% so với tổng lượng mưa trung bình nhiều năm

### 4. Tổng hợp thông tin hạn hán (nếu có)

TT	Huyện	Diện tích gieo trồng (ha)			Diện tích chuyển đổi cơ cấu cây trồng do thiếu nước (ha)	Diện tích canh tác do thiếu nước (ha)	Diện tích cây trồng bị ảnh hưởng, hạn hán, xâm nhập mặn (ha)		
		Tổng cộng	Lúa Mùa	Cây trồng khác			Lúc cao nhất	Hiện tại	Dự báo xu thế (tăng/giảm)
1	TP. Cao Bằng	1.122	891	231					231
2	H. Thông Nông	2.561	1.371	1.190					
3	H. Hà Quảng	2.228	1.138	1.090					55
4	H. Trà Lĩnh	2.320	1.650	670					
5	H. Trùng Khánh	5.488	4.367	1.121					1.063
6	H. Hạ Lang	2.138	1.570	568					551
7	H. Quảng Uyên	3.475	2.055	1.420					
8	H. Phục Hòa	1.226	872	354					
9	H. Hòa An	4.285	3.600	685					210
10	H. Thạch An	2.165	1.650	515					627
11	H. Nguyên Bình (16/20)	2.242	1.876	366					695
12	TP. Lạng Sơn	339	264	75				187	295
13	H. Trảng Định	3.475	2.690	785				207	326
14	H. Văn Lãng	2.113	1.962	151				104	164
15	H. Bình Gia	2.456	2.112	344				71	112
16	H. Bắc Sơn (4/20)	632	495	137					
17	H. Văn Quan	2.625	2.365	260				12	19
18	H. Cao Lộc	2.515	2.138	377				76	120
19	H. Lộc Bình (26/29)	3.739	3.428	311				22	14
20	H. Chi Lăng (4/21)	688	578	110					
21	H. Đình Lập (5/12)	443	342	101					
22	H. Na Rì	1.351	1.277	74					
23	H. Chợ Mới (2/16)	156	134	21					
24	H. Ngân Sơn (3/11)	401	371	30					
	<b>Cộng</b>	<b>50.183</b>	<b>39.196</b>	<b>10.986</b>				<b>680</b>	<b>4.483</b>

#### Các giải pháp chống hạn như:

- Tận dụng mọi nguồn nước, đắp các đập bồi nhỏ để nâng cao mực nước, phát dọn, nạo vét kênh mương, bể hút, cửa lấy nước...; chuẩn bị vật tư, nhiên liệu, nhân công, sẵn sàng lắp đặt trạm bơm dã chiến để bơm nước từ mực nước chết tại hồ, đập, và từ các nguồn sông, suối, khe.
- Điều tiết nước hợp lý, tiết kiệm, thường xuyên liên tục kiểm tra các hồ đập, trạm bơm, kịp thời khắc phục sửa chữa các hư hỏng gây thất thoát nước tại các công trình, chống lãng phí nước.

- Tổ chức tuyên truyền phổ biến và vận động nhân dân về mức độ thiệt hại do hạn hán gây ra để nhân dân nhận thức trong việc sử dụng nước cho sản xuất và sinh hoạt đảm bảo đúng mục đích, tiết kiệm, có hiệu quả.

### **III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ**

Hiện nay nhiều công trình thủy lợi, hồ đập, trạm bơm, kênh trục chính đã bị xuống cấp nghiêm trọng, không đảm bảo dẫn nước trong quá trình khai thác và sử dụng. Đề nghị các Sở ban ngành quan tâm, bố trí nguồn kinh phí cho chống hạn để kịp thời sửa chữa, nạo vét lòng hồ, bể hút, kênh mương, lắp đặt trạm bơm đã chiến, mua nhiên liệu... để đảm bảo an toàn và phục vụ tưới kịp thời cho sản xuất nông nghiệp và dân sinh .

**Bản tin tiếp theo sẽ phát hành vào ngày:**

**07/08/2020**

**VIỆN QUY HOẠCH THỦY LỢI**